

- Số vòng quay được hiển thị tới 5 chữ số.
- Hiển thị vòng quay đơn vị s^{-1} hoặc min^{-1} phụ thuộc vào độ phân giải của encoder được sử dụng: $1000 s^{-1} / 1000 min^{-1}$ hoặc $1000,0 s^{-1} / 1000,0 min^{-1}$.
- Chuyển hiển thị vòng quay (các model –NV1); tới $10000 min^{-1}$.



Thông tin đặt hàng

Đầu vào đếm	Màn hiển thị	Số vòng quay tối đa được hiển thị (với vòng quay của encoder)			
		1000 s^{-1} (1 xung/vòng), 1000 min^{-1} (60 xung/vòng)		1000.0 s^{-1} (10 xung/vòng), 1000.0 min^{-1} (600 xung/vòng) <- -> 10000 min^{-1} (60 xung/vòng) (chuyển được)	
		Thân màu ghi sáng	Thân màu đen	Thân màu ghi sáng	Thân màu đen
Đầu vào PNP/NPN điện áp DC	LCD 7 thanh có chiếu sáng nền	H7ER-NV-H	H7ER-NV-BH	H7ER-NV1-H	H7ER-NV1-BH
	LCD 7 thanh	H7ER-NV	H7ER-NV-B	H7ER-NV1	H7ER-NV1-B
Đầu vào không điện áp	LCD 7 thanh	H7ER-N	H7ER-N-B	---	---

Chú ý: Hãy liên hệ văn phòng đại diện OMRON hoặc đại lý để biết thêm về các Model khác.

▪ Giải thích số Model

H7ER-N -
1 2 3 4

1. Đầu vào đếm

Để trống: Đầu vào không điện áp

V: Đầu vào NPN/PNP điện áp DC tổng quát

2. Số chữ số

Để trống : 4 chữ số

1: 5 chữ số

3. Màu của vỏ

Để trống: Màu ghi sáng

B: Màu đen

4. Màn hiển thị

Để trống: LCD 7 thanh không chiếu nền

H: LCD 7 thanh có chiếu nền

▪ Phụ kiện đi kèm (Phải đặt hàng riêng)

Pin Lithium	Y92S-36
Đầu nối dây kéo dài (Một bộ có hai đầu nối)	Y92S-37
Bộ gá trên bề mặt	26 mm x 45 mm Y92F-75
Adapter	24.8 mm x 48.8 mm Y92F-77B

Đặc tính kỹ thuật

Mục	H7ER-NV-	H7ER-N-	H7ER-NV1-
Chế độ hoạt động	Đếm tăng		
Cách thức gá	Gá trên bề mặt		
Các kết nối bên ngoài	Các đầu nối bắt vít, các đầu nối dây kéo dài (xem chú ý 3)		
Màn hiển thị	LCD 7 thanh có hoặc không có đèn chiếu nền (chiều cao ký tự: 8,6 mm) (xem chú ý 4)		
Số chữ số	4 chữ số		5 chữ số
Đầu vào đếm	PNP/NPN điện áp DC tổng quát	Đầu vào không điện áp	PNP/NPN điện áp DC tổng quát
Tốc độ đếm tối đa	1 kHz		10 Hz
Số vòng quay tối đa được hiển thị (xem chú ý 5)	1.000 s ⁻¹ (Khi dùng độ phân giải của encoder là 1 xung/vòng) 1.000 min ⁻¹ (Khi dùng độ phân giải của encoder là 60 xung/vòng)		1.000,0 s ⁻¹ (Khi dùng độ phân giải của encoder là 10 xung/vòng) 1.000,0 min ⁻¹ (Khi dùng độ phân giải của encoder là 600 xung/vòng) <--> 10.000 min ⁻¹ (Khi dùng độ phân giải của encoder là 60 xung/vòng) (Chuyển được bằng công tắc)
Thiết bị đi kèm	Vỏ chống nước, thanh gá lắp mặt ngoài, Các nhãn dính chỉ đơn vị của vòng quay (xem chú ý 5)		

- Chú ý:**
1. Không có chức năng đặt về 0
 2. Khi không có đầu vào thì màn hiển thị 0.0 hoặc 0
 3. Yêu cầu đặt hàng riêng Y92S-37
 4. Chỉ model đầu vào NPN/PNP điện áp DC mới có chiếu sáng nền.
 5. Có các nhãn ghi "rpm", "rps", "s⁻¹".

■ Các thông số định mức

Mục	H7ER-NV-	H7ER-N-
Điện áp nguồn	Model có chiếu nền: 24 VDC (tối đa 0.3 W) (chỉ dùng cho đèn chiếu nền) Model không có chiếu sáng nền: Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)	Không yêu cầu (có pin cấp nguồn)
Đầu vào đếm	Mức cao (logic) : 4,5 to 30 VDC	Đầu vào không điện áp Trở kháng đoạn mạch tối đa : 10 kΩ. Điện áp dư đoạn mạch: tối đa 0,5V Trở kháng mở tối thiểu: 750 kΩ
Đầu vào đặt lại	Mức thấp (logic) : 0 to 2 VDC (Trở kháng đầu vào: xấp xỉ 4,7 kΩ)	
Tốc độ đếm tối đa	Các model 4 chữ số : 1 kHz Các model 5 chữ số : 10 kHz	1 kHz
Độ rộng tín hiệu nhỏ nhất	10 Hz: 0,05 ms 1 kHz: 0,5 ms	
Mômen xiết vít đầu nối	Tối đa 0,98 N - m	
Nhiệt độ xung quanh	Hoạt động: -10°C đến 55°C (không đóng băng) Cất giữ: -25°C đến 65°C (không đóng băng)	
Độ ẩm xung quanh	Hoạt động: 25% đến 85%	

Chi tiết kỹ thuật

Mục	H7E -NV-	H7E -NFV-	H7E -N-
Độ chính xác về thời gian*1	±100 xung trên phút (25°C)		
Trở kháng cách ly	Tối thiểu 100MΩ (tại 500 VDC) giữa các thiết bị có điện và thiết bị kim loại không có điện để trần, giữa đầu nối nguồn đèn chiếu nền và các đầu nối đầu vào / đặt lại của các model có đèn chiếu nền.	Tối thiểu 100MΩ (tại 500 VDC) giữa các thiết bị có điện và các thiết bị kim loại không có điện để trần, giữa các đầu nối đầu vào đếm và các đầu nối đặt lại.	Tối thiểu 100MΩ (tại 500 VDC) giữa các thiết bị kim loại có điện và các thiết bị kim loại không có điện để trần.
Điện môi	1000VAC, 50/60Hz cho 1 phút giữa các đầu có điện chạy qua và các thiết bị kim loại không có điện để trần, giữa đầu nối nguồn của đèn chiếu nền và các đầu nối đầu vào đếm / các đầu nối đặt lại với các Model có đèn chiếu nền	3700 VAC, 50/60 Hz cho 1 phút giữa các đầu kim loại mang điện và các thiết bị kim loại không mang điện để trần. 2200 VAC, 50/60Hz cho 1 phút giữa các đầu nối đặt lại và các thiết bị kim loại không mang điện để trần, giữa các đầu nối đầu vào đếm và các đầu nối đặt lại.	1000 VAC, 50/60 Hz cho 1 phút giữa các thiết bị kim loại mang điện và các thiết bị kim loại không mang điện để trần.
Điện áp chịu dòng xung	4,5 kV giữa đầu nối mang điện và các thiết bị kim loại không mang điện để trần.	4,5 kV giữa đầu nối mang điện và các thiết bị kim loại không mang điện để trần. 3 kV giữa các đầu nối đầu vào và các đầu nối đặt lại.	4,5 kV giữa đầu nối mang điện và các thiết bị kim loại không mang điện để trần.
Chịu nhiễu	Nhiều sóng vuông góc bởi nhiễu cách ly (độ rộng xung: 100 ns/ 1 ms, tăng lên 1-ns)		
	±600 V (giữa các đầu nối đầu vào đếm / giữa các đầu nối đặt lại) ±480 V (giữa các đầu nối nguồn đèn nền với các model có đèn chiếu nền)	± 11,5 kV (giữa các đầu nối đầu vào đếm) ± 500 V (giữa các đầu nối đặt lại).	± 500 V (giữa các đầu nối đầu vào đếm / giữa các đầu nối đặt lại).
Chịu tĩnh điện	± 8 kV (sự cố)		
Chịu rung	Sự cố: 10 đến 55 Hz với biên độ 0,15-mm mỗi lần 10 phút về 3 phía Hồng hãm: 10 đến 55 Hz với biên độ 0,375 – mm mỗi lần 2 giờ về 3 phía.		
Chịu chấn động	Sự cố: 200 ms ² 3 lần về 6 phía Hồng hãm: 300 ms ² 3 lần về 6 phía		
Trọng lượng *2	Model không đèn chiếu nền: xấp xỉ 60 g. Model có đèn chiếu nền: xấp xỉ 65g.	Xấp xỉ 60 g	Xấp xỉ 60 g.

Chú ý: 1. Chỉ cho loại H7ET
2. Trọng lượng bao gồm vỏ chống nước và thanh giá lắp mặt ngoài.

Giá trị tham khảo

Mục	Giá trị	Chú ý
Tuổi thọ của pin	Tối thiểu 7 năm với đầu vào liên tục tại 250°C (pin Lithium)	Tuổi thọ của pin được tính dựa vào các điều kiện ở cột bên trái và bởi vậy giá trị này không được đảm bảo. Dùng giá trị này để tham khảo khi bảo dưỡng hoặc thay pin.